

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI BỊ TÌNH NGHI PHẠM TỘI TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ HIỆN HÀNH

Nguyễn Sơn Hà*

Quyền con người là vấn đề cơ bản nhất của nhận thức và thực tiễn chính trị, vì vậy nó gắn với các thời đại lịch sử cụ thể và nó bị chế định bởi lịch sử, bởi các điều kiện kinh tế – xã hội của từng quốc gia và quốc tế¹. Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 2003 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với người phạm tội. Đây là hoạt động đặc biệt của các cơ quan tiến hành tố tụng để thực hiện quyền lực nhà nước nhằm mục đích trừng trị kẻ phạm tội, đồng thời cũng giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội. Vì vậy, khi thực hiện quyền lực đặc biệt này, việc hạn chế một số quyền công dân của người phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án là điều không thể tránh khỏi.

1. Những quy định tiến bộ của BLTTHS năm 2003 trong việc bảo đảm quyền con người của người bị tình nghi phạm tội (người bị tạm giữ, bị can, bị cáo)

BLTTHS năm 2003 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26/11/2003 và có hiệu lực thi hành từ 01/7/2004 đã kế thừa và phát huy những giá trị tích cực của BLTTHS năm 1988, thể hiện khá rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về nguyên tắc nhân đạo trong tố tụng hình sự (TTHS). Trong đó, vấn đề bảo đảm quyền con người nói chung, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tình nghi phạm tội là một

trong những tư tưởng xuyên suốt trong các quy định của BLTTHS năm 2003.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích của người bị tình nghi phạm tội; phải kiểm tra tính hợp pháp của việc áp dụng các biện pháp hạn chế các quyền của công dân và kịp thời hủy bỏ nếu xét thấy các biện pháp đó là không cần thiết. Trong quá trình tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm mọi công dân bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tôn giáo, thành phần và địa vị xã hội; bất cứ người phạm tội nào cũng phải bị xử lý theo pháp luật. Bên cạnh đó, BLTTHS năm 2003 có những quy định rất chặt chẽ để bảo đảm quyền bất khả xâm phạm của công dân, không ai có thể bị bắt nếu không có quyết định của tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của viện kiểm sát, trừ trường hợp bắt quả tang.

Pháp luật TTHS hiện hành quy định rõ trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng; người bị tình nghi phạm tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Quy định này thể hiện khá rõ các nguyên tắc cơ bản trong TTHS đã được Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966² thông qua. Điều 14 của Công ước này quy định rõ: *"Người bị cáo buộc là phạm tội hình sự có quyền được coi là vô tội cho tới khi hành vi*

* ThS. Luật học, Viện kiểm sát nhân dân Đồ Sơn, Tp. Hải phòng.

¹ Nguyễn Văn Vĩnh, Triết học chính trị về quyền con người, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2005

² Được thông qua và đề nghị cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 2200 (XXI) ngày 16/12/1966 của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Có hiệu lực ngày 23/3/1976, căn cứ theo Điều 49. Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982.

phạm tội của người đó được chứng minh theo pháp luật”.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; người bị tình nghi phạm tội có quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 48, 49, 50 BLTTHS năm 2003: Có quyền biết mình bị tạm giữ, truy tố, xét xử về tội gì, được quyền giải thích quyền và nghĩa vụ, được quyền đưa ra chứng cứ, đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, được quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa... Trường hợp đối với người chưa thành niên, người bị hạn chế về thể chất, tâm thần, người bị truy tố về tội mà theo khung hình phạt có mức án cao nhất là tử hình, mặc dù không mời người bào chữa nhưng cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải chỉ định người bào chữa để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ, trừ trường hợp bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối một cách hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng phải có nghĩa vụ bảo đảm các quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, trường hợp vi phạm những quy định của TTHS về trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử mà xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân thì phải bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự, quyền lợi cho người bị oan; trường hợp vi phạm nghiêm trọng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Để bảo đảm cho việc thực hiện BLTTHS một cách khách quan, nghiêm túc, Nhà nước giao cho viện kiểm sát quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra, xét xử và thi hành bản án hình sự, đồng thời trực tiếp xem xét, quyết định việc có truy tố hay không truy tố người phạm tội ra trước tòa án để xét xử. Hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong TTHS là một trong những chức năng quan trọng trong chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của viện kiểm sát. Bằng việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khám nghiệm hiện trường, kiểm sát khởi tố, kiểm sát việc áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn, phê

chuẩn các quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, quyết định việc truy tố, kiểm sát việc xét xử, thi hành án hình sự... viện kiểm sát góp phần to lớn vào việc ngăn chặn vi phạm quyền con người đối với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nói riêng và của các chủ thể tham gia tố tụng nói chung trong quá trình tiến hành tố tụng.

2. Một số hạn chế, bất cập của pháp luật TTHS cũng như thực tiễn thi hành pháp luật TTHS trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị tình nghi phạm tội

Trong thời gian qua, cùng với những định hướng phát triển đúng đắn của Đảng và Nhà nước, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thì tình hình tội phạm cũng có chiều hướng gia tăng và ngày càng diễn biến phức tạp, với tính chất và mức độ nguy hiểm ngày càng cao. Hàng năm, các cơ quan tư pháp phải giải quyết một số lượng lớn các vụ án hình sự. Theo báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, số liệu án đã xét xử trên phạm vi toàn quốc năm 2004 là 49.182 vụ, năm 2005 là 50.732 vụ, năm 2006 là 47.930 vụ, năm 2007 là 57.654 vụ, năm 2008 là 60.404 vụ.

Mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng đã có rất nhiều cố gắng và đã áp dụng mọi biện pháp để đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án hình sự, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng oan sai, quá hạn tạm giam, đã chú ý đến việc bảo đảm quyền con người của người bị tình nghi phạm tội. Nhưng do số lượng và trình độ của người tiến hành tố tụng còn hạn chế, án nghiêm trọng, phức tạp xảy ra nhiều... nên tỷ lệ án tồn đọng còn khá cao. Tình trạng án quá hạn tạm giam, quá hạn điều tra, án oan sai, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, quyền của bị can, bị cáo... mặc dù rất ít nhưng vẫn còn xảy ra cũng là một vấn đề còn tồn tại trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

BLTTHS năm 2003 mặc dù đã có rất nhiều tiến bộ trong việc bảo đảm quyền con người cho người phạm tội so với BLTTHS năm 1988. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc nên có nhiều cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, dẫn đến khó áp dụng trong thực tiễn, gây bất lợi cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Những hạn chế dẫn đến vi phạm quyền con người của người phạm tội chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

2.1. Nguyên nhân khách quan

Những bất cập trong quy định của BLTTHS hiện hành:

- Điều 10 BLTTHS năm 2003 quy định: *Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.* Điều này tương tự như quy định về quyền được im lặng của người bị tình nghi trong pháp luật TTHS một số nước trên thế giới. Tuy nhiên, BLTTHS hiện không quy định người tiến hành tố tụng buộc phải giải thích cho người bị bắt, tạm giữ quyền này trong quá trình bị bắt giữ, dẫn đến việc người bị tạm giữ không nắm được quyền của mình nên đã đưa ra những lời khai, chứng cứ bất lợi cho bản thân.

- Điều 11 quy định về bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, theo đó, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự mình hoặc nhờ người khác bào chữa. Tuy nhiên, về trình tự, thủ tục yêu cầu người bào chữa mỗi địa phương, mỗi cơ quan tiến hành tố tụng lại có một quy định riêng. Đặc biệt, đối với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo bị tạm giam có nhu cầu nhờ người bào chữa, BLTTHS không quy định trình tự, thủ tục yêu cầu và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng để bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo cũng như có chế tài nếu họ không bảo đảm quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

- Khoản 3 Điều 56 BLTTHS cũng quy định: *Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ có liên quan đến việc bào chữa, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án phải xem xét cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp thì phải nêu rõ lý do. Đối với trường hợp tạm giữ thì trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, cơ quan điều tra phải xem xét cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận phải nêu rõ lý do.* Luật TTHS không quy định giấy tờ liên quan đến việc bào chữa gồm những loại giấy tờ nào nên có nhiều cách hiểu khác nhau, dẫn đến tình trạng điều tra viên, kiểm sát viên hoặc thẩm phán dựa vào quy định này gây khó dễ cho người bào chữa. Người bào chữa muốn được cấp giấy chứng nhận bào chữa đúng thời hạn đôi khi phải dựa vào mối quan hệ với người tiến hành tố tụng, nếu quan hệ tốt thì được cấp giấy chứng nhận bào chữa ngay, còn quan hệ không tốt thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn, dẫn đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo không kịp thời.

- Khoản 2 Điều 57 BLTTHS quy định: *Trong trường hợp bị can, bị cáo bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội có khung hình phạt cao nhất là tử hình; hoặc bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần, thể chất; nếu bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời người bào chữa thì cơ quan tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ.* Luật không quy định trình tự, thủ tục từ chối luật sư dẫn đến mỗi địa phương lại áp dụng một thủ tục khác nhau, có địa phương chỉ cần lập biên bản ghi lời khai hỏi bị can, bị cáo và người đại diện hợp pháp có yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định luật sư không, nếu họ từ chối thì ghi vào biên bản và coi như thủ tục từ chối luật sư đã

được chấp nhận. Kế hoạch này được người tiến hành tố tụng tận dụng một cách triệt để, thực tiễn có nhiều trường hợp điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán giải thích cho bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người bị hạn chế về thể chất, tâm thần về khoản 2 Điều 57 một cách mập mờ, không giải thích cặn kẽ việc trả thù lao cho luật sư chỉ định là trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, nói bóng gió nếu có sự tham gia của luật sư sẽ gây bất lợi cho bị can, bị cáo... dẫn đến bị can, bị cáo sợ không có tiền trả thù lao cho luật sư, sợ bị bất lợi trong quá trình tiến hành tố tụng nên đã từ chối mời luật sư. Cách làm này giúp cho người tiến hành tố tụng “*thuận lợi*” hơn trong quá trình tiến hành tố tụng vì sẽ không có sự tham gia của luật sư, nhưng sẽ không bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo. Có địa phương đã quan tâm đến vấn đề bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bị cáo, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thống nhất hướng dẫn việc áp dụng khoản 2 Điều 57 để bảo đảm cho việc bào chữa của bị can, bị cáo. Ví dụ: Ở Hải Phòng, các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố đã thống nhất hướng dẫn cơ quan tiến hành tố tụng hai cấp thực hiện khoản 2 Điều 57, theo đó, chỉ chấp nhận việc bị can, bị cáo từ chối người bào chữa chỉ định trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có công văn yêu cầu Đoàn luật sư hoặc các tổ chức chính trị - xã hội và việc từ chối người bào chữa chỉ định phải có mặt người bào chữa cụ thể và họ ký xác nhận vào biên bản từ chối người bào chữa. Cách làm này đã bảo đảm được quyền của bị can, bị cáo, góp phần chống oan sai trong quá trình tiến hành tố tụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Một vấn đề nữa là quyền và nghĩa vụ của người bào chữa được quy định tại Điều 158 BLTTHS, theo đó, luật sư có khá nhiều quyền, nhưng không có chế tài quy định đối với người tiến hành tố tụng để bảo đảm thực hiện quyền của người bào chữa.

- Điều 93 BLTTHS quy định về việc đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo, theo

đó, đặt tiền hoặc tài sản là biện pháp ngăn chặn để thay thế biện pháp tạm giam. Tuy nhiên, Bộ luật này và các văn bản dưới luật cũng không quy định về trình tự, thủ tục, điều kiện để được đặt tiền, không quy định mức đặt tiền là bao nhiêu dẫn đến việc áp dụng tùy tiện hoặc được áp dụng rất hạn chế, ảnh hưởng đến quyền của bị can, bị cáo.

- Chương 34 BLTTHS năm 2003 quy định về thủ tục rút gọn, đây là một chế định mới và tiến bộ hơn so với BLTTHS năm 1988. Chương 34 gồm 7 Điều (từ Điều 318 đến 324). Qua nghiên cứu Chương 34 BLTTHS cho thấy còn nhiều vấn đề bất cập, không có lợi cho bị can, bị cáo bị áp dụng thủ tục rút gọn. Các quy định về thủ tục rút gọn trong TTHS mới chỉ quan tâm đến những vấn đề có lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng như: Rút ngắn thời gian tiến hành tố tụng, giảm chi phí giải quyết án, giảm án tồn đọng... mà chưa thực sự quan tâm đến quyền lợi của bị can, bị cáo, thậm chí trong thực tiễn còn gây bất lợi cho bị can, bị cáo. Ví dụ: Thủ tục rút gọn mới chỉ rút ngắn về thời gian mà không giảm lược về tố tụng (tổng thời gian điều tra, truy tố, xét xử là 30 ngày), quy định thời hạn tạm giữ quá ngắn (chỉ có 3 ngày)... Do áp lực về thời hạn điều tra dẫn đến hầu hết các bị can bị áp dụng thủ tục rút gọn đều bị tạm giam để *thuận lợi hơn* cho việc giải quyết án của người tiến hành tố tụng, mặc dù theo quy định của Điều 88 Bộ luật này họ không đủ điều kiện tạm giam.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, trong quá trình cải cách tư pháp, thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp đã được cải thiện đáng kể, nhưng cũng chưa đáp ứng được với tình hình vi phạm và tội phạm trong tình hình mới. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án đã từng bước được kiện toàn nhưng vẫn còn nhiều bất cập; biên chế cán bộ tư pháp vừa thiếu về số lượng, vừa hạn chế về chất lượng, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo... Một

bộ phận nhỏ cán bộ tư pháp sa sút về phẩm chất đạo đức, ý chí... Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: “*Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ, năng lực nghiệp vụ, một bộ phận tiêu cực, thiếu trách nhiệm, thiếu bản lĩnh, sa sút về phẩm chất. Đây là vấn đề rất nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước*”. Chính vì vậy, trong quá trình tiến hành tố tụng, một bộ phận người tiến hành tố tụng đã không tuân thủ triệt để các quy định của BLTTHS và các quy định khác có liên quan dẫn đến oan sai, để quá hạn tạm giam, vi phạm đến quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Thứ hai, tâm lý điều tra viên và kiểm sát viên có xu hướng muốn *thuận lợi* cho công việc của mình mà cố tình cắt bỏ những thủ tục, trình tự có lợi cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc cố tình hiểu những quy định chưa rõ ràng trong BLTTHS theo hướng có lợi cho công việc của mình. Ở một số địa phương, người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng mới chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực mà chưa nhận thức được mặt tích cực của người bào chữa, tìm mọi cách gây khó khăn cho người bào chữa, có tâm lý cho rằng, việc tham gia tố tụng của người bào chữa sẽ gây cản trở, khó khăn cho việc điều tra vụ án hình sự.

Thứ ba, còn có nhận thức chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện thủ tục, trình tự để bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

Thứ tư, về năng lực, trình độ của người bào chữa còn nhiều hạn chế, số lượng luật sư không đáp ứng được với yêu cầu cải cách tư pháp. Một số lượng không nhỏ luật sư còn hạn chế về đạo đức nghề nghiệp, chưa thực sự quan tâm đến vấn đề bảo vệ quyền con người của thân chủ.

3. Một số kiến nghị, đề xuất để bảo đảm quyền con người của những người bị tình nghi phạm tội trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, đề nghị các cơ quan chức năng sửa đổi BLTTHS một cách toàn diện theo hướng bảo đảm quyền con người cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nói riêng và cho những người tham gia tố tụng nói chung. Cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 BLTTHS theo hướng người bị tạm giữ phải được giải thích về trách nhiệm chứng minh tội phạm là của cơ quan tiến hành tố tụng, bị cáo không có trách nhiệm chứng minh mình vô tội, giống như *quyền được im lặng* theo quy định của một số nước trên thế giới. Điều này sẽ tránh cho người bị tạm giữ đưa ra những chứng cứ, lời khai bất lợi cho mình trước khi có sự tham gia, tư vấn của người bào chữa.

- Có quy định chi tiết, cụ thể về thủ tục, trình tự mời người bào chữa, từ chối người bào chữa, giảm thiểu những điều luật tùy nghi, thay vào đó là những điều luật bắt buộc người tiến hành tố tụng phải thực hiện để bảo đảm quyền con người cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Quy định chi tiết về trình tự, thủ tục đặt tiền thay cho biện pháp tạm giam.

- Cần quy định trong BLTTHS theo hướng tăng cường hơn nữa vai trò của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; quy định theo hướng, luật sư có quyền tự mình thu thập chứng cứ gỡ tội cho bị can, bị cáo; có quyền gặp riêng bị can, bị cáo bị tạm giam; can thiệp sâu hơn vào quá trình giải quyết vụ án, có cơ chế để bảo đảm cho việc thực hiện các quyền của luật sư được quy định trong BLTTHS.

- Cần có quy định về *chứng cứ điện tử*, theo đó, cần quy định trong quá trình hỏi cung bị can, bị cáo bắt buộc phải ghi âm, ghi hình và đưa vào hồ sơ vụ án. Điều này không những sẽ giúp cho bị can, bị cáo không bị tra tấn, bức cung, nhục hình trong quá trình bị hỏi cung mà còn thuận lợi cho

(Xem tiếp trang 69)

Mặc dù Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 cũng đã có một số điều khoản đề cập đến nội dung kiểm tra, giám sát như Điều 100, 101, 102... nhưng để hoạt động kiểm tra giám sát thực sự là công cụ kiểm soát có tính chất thường xuyên góp phần tăng cường sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật quốc gia, đảm bảo sự tương thích hài hòa giữa luật quốc gia và Luật Quốc tế, pháp luật Việt Nam cần có quy định cụ thể hơn nữa về cơ chế giám sát, trách nhiệm phối kết hợp giữa các cơ quan

hữu quan... để tránh chồng chéo trong lộ trình tiến hành cũng như đảm bảo cho các quy định hiện hành trong lĩnh vực này có tính khả thi. Đặc biệt cần bổ sung chức năng kiểm tra, giám sát việc thực thi điều ước quốc tế cho cả Bộ Tư pháp - cơ quan hiện đang chịu trách nhiệm chính trong việc thẩm định điều ước quốc tế. Việc xác lập chức năng này cho Bộ Tư pháp đảm bảo tính liên tục, nhất quán trong toàn bộ lộ trình ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của Việt Nam⁵.

⁵ Theo Luật năm 2005, ngoài việc có thể là cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, chức năng chính của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực điều ước quốc tế là thẩm định điều ước quốc tế.

(Tiếp theo trang 64 – Một số vấn đề về ...)

kiểm sát viên khi buộc tội trước tòa trong trường hợp bị cáo phản cung.

- Sửa đổi Chương 34 BLTTHS về thủ tục rút gọn theo hướng áp dụng thủ tục rút gọn không những thuận tiện cho cơ quan và người tiến hành tố tụng mà phải có lợi cho bị can, bị cáo để họ tự nguyện hợp tác với người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn. Có như vậy mới bảo đảm công bằng giữa bị can, bị cáo áp dụng thủ tục thông thường với bị can, bị cáo được áp dụng thủ tục rút gọn, bảo đảm được quyền con người cho họ khi áp dụng thủ tục này.

Trong thời gian chờ sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2003, các cơ quan tiến hành tố tụng trung ương cần có những hướng dẫn đối với những điều luật quy định chưa rõ ràng, còn có nhiều cách hiểu khác nhau để bảo đảm pháp luật được áp dụng một cách thống nhất, bảo đảm quyền cho bị can, bị cáo.

Thứ hai, các cơ quan tiến hành tố tụng cần quan tâm hơn đến công tác rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ lý luận chính trị, nghiệp vụ của người tiến hành tố tụng. Người tiến hành tố tụng phải nhận thức

được tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người trong quá trình tiến hành tố tụng, phải được quán triệt những tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về vấn đề nhân quyền nói chung và nhân quyền đối với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nói riêng. Không ngừng học tập nâng cao trình độ để một mặt đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, một mặt bảo đảm được những quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội.

Thứ ba, Nhà nước cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho các cơ quan tư pháp, bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện làm việc. Đặc biệt chú ý đến việc nâng cấp cho hệ thống nhà tạm giữ, trại tạm giam, chế độ đối với người bị tạm giữ và tạm giam. Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ làm công tác tư pháp để họ chuyên tâm, tận tụy với công việc, hết lòng phụng sự nhân dân.

Thứ tư, tăng cường đào tạo để bổ sung đội ngũ luật sư, nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ luật sư để đáp ứng được với yêu cầu cải cách tư pháp.